

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 171/2021/HC-PT

Ngày 01 tháng 7 năm 2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 142/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1441/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1983 và bà Diệp Thị K, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1990; địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Nam (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2020).

- Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Văn C, Phó giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 389/GUQ-VPĐKĐĐ ngày 09/7/2020).

- Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn M (là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; người bị kiện vắng mặt lần 2 (đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 2007, gia đình ông Phạm Văn B, bà Diệp Thị K xây nhà trên diện tích đất 300 m² thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 45 tại thôn D (trước đây là thôn 6) xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tháng 6 năm 2018 hộ ông B tiến hành đăng ký đất, đo đạc và lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đối với thửa đất trên gồm có: Đơn, phiếu lấy ý kiến khu dân cư, biên bản họp hội đồng tư vấn đất đai, Tờ trình số 248/TTr-UBND ngày 16/9/2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã B về việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K. Hồ sơ lập một bộ đầy đủ theo Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Sau thời hạn 30 ngày giải quyết thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T ban hành Văn bản số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 với nội dung thừa đất của ông B, bà K thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư ven biển B theo Quyết định số 74/QĐ-KTM ngày 15/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để từ chối hồ sơ xin cấp GCNQSD đất và không trình hồ sơ cho UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho ông B, bà K là trái quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 49, khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 và các Điều 19, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, điểm 7 mục 1 Điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018). Ngoài ra ông B, bà K có đăng ký hộ khẩu tại thôn D, xã B, huyện T; có trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp; trong quá trình sử dụng đất từ năm 2007 đến nay không có vi phạm gì về quản lý sử dụng đất, không có quyết định thu hồi đất của UBND huyện T.

Vì vậy, ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Phiếu thông tin hồ sơ số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp tục lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ 45, diện tích 300m² (loại đất ở), địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T cho hộ ông Phạm Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam:

Theo xác nhận của UBND xã B ngày 16/9/2019 thì thửa đất số 8, tờ bản đồ số 45 của ông B, bà K có nguồn gốc lấn chiếm làm nhà từ năm 2007; vị trí thửa đất này nằm trong khu quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư ven biển B đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ- KTN ngày 15/5/2012 nên trường hợp của ông Phạm Văn B, bà Diệp Thị K không đủ điều kiện đề nghị cấp GCNQSD đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Ông B, bà K phải thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, Phiếu thông tin hồ sơ số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T là đúng quy định pháp luật, do đó người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K về yêu cầu hủy Phiếu thông tin hồ sơ số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T và yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp tục lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ 45, diện tích 300 m² (loại đất ở), địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T cho hộ ông Phạm Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm, xử lý tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo.

5. Kháng cáo: Ngày 21/10/2020, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Đoàn Văn M có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B bà K là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B bà K.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham

gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 11/6/2018, ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K làm Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất, tại phần kê khai của người đăng ký ông B và bà K khai: *“Nguồn gốc sử dụng: Lấn chiếm để xây dựng nhà ở từ năm 2007”*; tại phần xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn, UBND xã B xác nhận: *“2. Nguồn gốc sử dụng đất: Lấn chiếm để xây dựng nhà ở từ năm 2007;... 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: Không phù hợp quy hoạch nhưng thửa đất sử dụng ổn định trước thời điểm công bố quy hoạch”* (bút lục: 04). Sau khi kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của ông B, bà K, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác định: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 45, diện tích 300 m² mà ông B, bà K đề nghị được cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu tái định cư ven biển B được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-KTN ngày 15/5/2012.

[2] Tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 như sau:

“3. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó.

Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định;”.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật nêu trên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã ban hành Phiếu thông tin hồ sơ số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 với nội dung là thông tin cho Tổ tiếp nhận và trả kết quả huyện T và

ông Phạm Văn B được biết trường hợp hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của hộ ông B không đủ điều kiện để đề nghị cấp GCNQSD đất; trong đó đã nêu: “*Ông Phạm Văn B đủ điều kiện để đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai 2013*” là đúng pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử vụ án và quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông B, bà K (yêu cầu hủy Phiếu thông tin hồ sơ số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp tục lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 45, diện tích 300 m² cho hộ ông Phạm Văn B) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài những tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã làm căn cứ để giải quyết vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 95 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của ông Đoàn Văn M (là người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K); giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K về yêu cầu hủy Phiếu thông tin hồ sơ số 99/PTT-CNVPĐK ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T và yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp tục lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ 45, diện tích 300 m² (loại đất ở) tại địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T cho hộ ông Phạm Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

tạm ứng án phí do ông Đoàn Văn M nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000497 ngày 23/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn B và bà Diệp Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí do ông Đoàn Văn M nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002595 ngày 31/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 01/7/2021.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền